

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 02/4/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 80/2025/TLST-DS, ngày 22/10/2025.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1);

Địa chỉ: Số B - B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lý Quốc B, sinh năm 1985 (căn cước số 064085009818); chức vụ: Trưởng phòng S1 - Chi nhánh G - Phòng G1 (theo Quyết định ủy quyền số 4039/2024/QĐ-PC, ngày 27/12/2024 của Tổng giám đốc S1);

Địa chỉ: Số A Q, phường A, tỉnh Gia Lai.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1973 (căn cước công dân số: 064173004410);

Địa chỉ: Tổ C T, phường A, tỉnh Gia Lai.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về số nợ:** Bà Nguyễn Thị Mỹ A công nhận còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh G – Phòng G1 (sau đây gọi tắt là S1) tính đến ngày 02 tháng 4 năm 2026 các khoản theo Hợp đồng tín dụng số 202427824045 ngày 19/08/2024; thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 202427824045-01 ngày 01/10/2024 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 202427824045-02 ngày 18/10/2024 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 202427824045-03 ngày 11/09/2025, gồm: Nợ gốc là 3.783.000.000 đồng; lãi trong hạn là 672.679.328 đồng và lãi quá hạn là 150.127.907 đồng; tổng cộng là 4.605.807.235 đồng (Bốn tỷ sáu trăm lẻ năm triệu tám trăm lẻ bảy nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng).

**2.2. Về thời gian trả nợ:** Hai bên đương sự thỏa thuận trong thời gian 01 tháng, kể từ ngày 02/4/2026 đến ngày 02/5/2026, bà Nguyễn Thị Mỹ A có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ số tiền nợ của hợp đồng tín dụng nói trên cho S1 gồm: Nợ gốc là 3.783.000.000 đồng; lãi trong hạn là 672.679.328 đồng và lãi quá hạn là 150.127.907 đồng; tổng cộng là 4.605.807.235 đồng (Bốn tỷ sáu trăm lẻ năm triệu tám trăm lẻ bảy nghìn hai trăm ba mươi lăm đồng).

Hết thời hạn nói trên nếu bà Nguyễn Thị Mỹ A không thanh toán xong khoản nợ này thì S1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của bà A để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 222/2024/PGD-AK, ngày 21/8/2024 đã được chứng thực ngày 21/8/2024 tại Phòng C, tỉnh Gia Lai (nay là Phòng C1, tỉnh Gia Lai); tài sản thế chấp gồm:

\*Thửa đất số 445, tờ bản đồ số 4 có diện tích 890,9m<sup>2</sup> (đất ở tại nông thôn) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB020912 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 09/7/2021 mang tên Nguyễn Thị Mỹ A; địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là tổ dân phố T, phường A, tỉnh Gia Lai), có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp thửa đất số 446.
- Phía Tây giáp đường bê tông.
- Phía Nam giáp thửa đất số 447.
- Phía Bắc giáp đường bê tông.

(Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ thì trên đất không có vật kiến trúc và cây cối gì).

\*Thửa đất số 630, tờ bản đồ số 41 có diện tích 287m<sup>2</sup> (đất ở tại nông thôn) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI174200 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 20/3/2023 mang tên Nguyễn Thị Mỹ A; địa chỉ thửa đất tại xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là tổ dân phố A, phường A, tỉnh Gia Lai), có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đường đất.
- Phía Tây giáp thửa đất số 628.
- Phía Nam giáp thửa đất số 618.
- Phía Bắc giáp thửa đất số 629.

(Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ thì trên đất không có vật kiến trúc và cây cối gì).

\*Thửa đất số 632, tờ bản đồ số 41 có diện tích 360,3m<sup>2</sup> (đất ở tại nông thôn) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI728140 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 29/05/2023 mang tên Nguyễn Thị Mỹ A; địa chỉ thửa đất tại xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là tổ dân phố A, phường A, tỉnh Gia Lai), có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp thửa đất số 415.
- Phía Tây giáp đường đất.
- Phía Nam giáp thửa đất số 633.
- Phía Bắc giáp thửa đất số 631.

(Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ thì trên đất không có vật kiến trúc và cây cối gì).

\*Thửa đất số 633, tờ bản đồ số 41 có diện tích 323,7m<sup>2</sup> (đất ở tại nông thôn) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI728139 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 29/05/2023 mang tên Nguyễn Thị Mỹ A; địa chỉ thửa đất tại xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là tổ dân phố A, phường A, tỉnh Gia Lai), có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp thửa đất số 415.
- Phía Tây giáp đường đất.
- Phía Nam giáp thửa đất số 634.
- Phía Bắc giáp thửa đất số 632.

(Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ thì trên đất không có vật kiến trúc và cây cối gì).

\*Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 41 có diện tích 2420m<sup>2</sup> (đất ở tại nông thôn) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY755322 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh G cấp ngày 07/04/2021 mang tên Nguyễn Thị Mỹ A; địa chỉ thửa đất tại thuộc thôn A, xã C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (nay là tổ dân phố A, phường A, tỉnh Gia Lai), có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp thửa đất số 111.
- Phía Tây giáp đường bê tông.
- Phía Nam giáp đường đất.
- Phía Bắc giáp thửa đất số 67.

(Tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ thì trên đất không có vật kiến trúc và cây cối gì).

Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ đối với bà Nguyễn Thị Mỹ A nhưng không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với S1 thì bà A có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho S1.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

**2.3. Về chi phí tố tụng:** Số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) đã được S1 nộp đủ và chi hết. Nay hai bên đương sự thỏa thuận bà Nguyễn Thị Mỹ A có nghĩa vụ hoàn trả lại toàn bộ số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) đó cho S1.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2.4.** Số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 112.605.807 đồng (Một trăm mười hai triệu sáu trăm lẻ năm nghìn tám trăm lẻ bảy đồng), do hòa giải thành nên được giảm 50% còn lại 56.302.904 đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm lẻ hai nghìn chín trăm lẻ bốn đồng), hai bên đương sự thỏa thuận bà Nguyễn Thị Mỹ A chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm nói trên.

S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho S1 thông qua S1 - Chi nhánh G - Phòng G1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 56.340.913 đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi nghìn chín trăm mười ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0004023 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận: THẨM PHÁN**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13 - Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai  
(Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

**Phan Huy Viễn**